

LỜI BÀN CỦA GIÁO DÂN KHÁT KHAO CHÂN LÝ

Tóm lại, lối giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đấng các bậc trong Hội Thánh hết sức gượng ép, quanh co, nguy hiểm không thuyết phục được người khát khao **chân lý đích thực** chứ không phải **chân lý giả hiệu**.

BÀN LUẬN

Lời bàn của người “giáo dân khát khao chân lý” chỉ dài đúng một câu về mặt ngữ pháp, nhưng bộc lộ nhiều vấn đề lý luận cũng như nội tâm của người này.

Câu “*Tóm lại, lối giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh ...*” có thể hiểu là (1) một nhận định về những tài liệu sách vở, hay những cuộc thảo luận, trả lời câu hỏi, v.v... mà người “giáo dân khát khao chân lý” đã tiếp cận từ đâu đó, hay (2) cũng có thể là 6 câu trong phần bàn luận gửi đến Ban Biên Tập.

Do không biết chính xác nên để thuận tiện cho cuộc bàn luận này thì xin chia lời bàn trên thành những phần chính sau đây:

I. Các đấng các bậc

II. Hội Thánh

III. Kinh Thánh

IV. Không thuyết phục được người khát khao

V. Chân lý đích thực chứ không phải chân lý giả hiệu

Ba phần đầu (I, II, III) sẽ được bàn luận trước, và hai phần sau (IV, V) sẽ được bàn luận vào số tới.

I. “Các đấng các bậc trong Hội Thánh”

Cụm từ “các đấng các bậc trong Hội Thánh” là một cách gọi khá tổng quát, có thể bao gồm:

- **Giáo hoàng:** vị lãnh đạo tối cao của Giáo hội Công giáo hoàn vũ.
- **Hồng y và Giám mục:** các vị chủ chăn lãnh đạo Giáo hội ở cấp cao, quản lý các giáo phận và có quyền phong chức.
- **Linh mục** (cha xứ, cha phó...): những người trực tiếp coi sóc các giáo xứ, hay làm những công tác tông đồ chuyên biệt.
- **Phó tế:** các thừa tác viên phụ giúp giám mục và linh mục trong việc giảng dạy, phụng vụ và bác ái.
- **Tu sĩ** (nam tu sĩ, nữ tu): những người sống đời tận hiến để phục vụ Thiên Chúa và tha nhân.

Tuy nhiên, cách gọi này khá xưa; ngày nay giới trẻ cũng như đại chúng ít dùng. Tuy nhiên, khi có người dùng cách gọi chung những người thuộc hàng giáo sĩ, tu sĩ là “các đấng các bậc” thì dễ mang lại cảm tưởng là sự kính trọng, trang nghiêm và đề

cao đối với những người sống đời thánh hiến. Tuy nhiên, cách gọi này cũng có thể vô tình tạo ra một khoảng cách, khiến người ta hình dung “các đấng các bậc” như những người nắm giữ nguồn tri thức, có thẩm quyền giải thích và hướng dẫn, trong khi giáo dân ở vị thế tiếp nhận, học hỏi hoặc nghe theo. Nếu hiểu theo hướng ấy, cách gọi này dễ tạo nên sự đối lập giữa hàng giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân, như thể tri thức và tiếng nói thuộc về một phía, còn phía kia chỉ là người chấp nhận. Vì vậy, dù “các đấng các bậc” có thể diễn tả lòng kính trọng, cũng có thể gây ra sự phân tầng mà cách gọi này đôi khi gợi ra.

Ngoài phần cảm nhận khách quan hay chủ quan, cách gọi tổng quát này dễ đưa đến ngộ nhận nhận là “toàn thể” dù có thể không chủ ý nói như vậy.

Vì vậy, khi một người tự nhận là “giáo dân khát khao chân lý” sử dụng cụm từ “các đấng các bậc”, thì không rõ người này đang muốn nói đến (1) **một số người** hay (2) **toàn bộ** “các đấng các bậc”.

Nếu hiểu theo **trường hợp (1)**, tức là chỉ một hoặc một vài cá nhân, thì việc dùng cụm từ “các đấng các bậc trong Hội Thánh” là không chính xác, vì nó dễ tạo cảm giác quy kết cho cả một tập thể. Cách nói bao gồm này cũng có thể phản ánh tâm trạng: ‘Yêu nhau yêu cả đường đi. Ghét nhau ghét cả tông ti họ hàng’, cho thấy tâm lý tình cảm chi phối lý trí của con người. Thái độ này thường không phù hợp với người ‘khát khao chân lý’ vì nó làm mất đi sự suy xét khách quan.

Nếu hiểu theo **trường hợp (2)**, tức là toàn bộ “các đấng các bậc trong Hội Thánh”, thì phát biểu ấy lại càng khó hiểu hơn. Không biết người “giáo dân khát khao chân lý” đã đọc bao nhiêu sách, nghiền cứu bao nhiêu tài liệu chú giải Thánh Kinh, tiếp xúc với bao nhiêu giám mục, linh mục, tu sĩ để có thể khẳng định rằng: *“lời giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đấng các bậc trong Hội Thánh hết sức gượng ép, quanh co, ngụy biện”*?

Dù hiểu theo trường hợp (1) hay (2), cách diễn đạt này đều bộc lộ sự mơ hồ trong đối tượng được nhắm tới. Nó không chỉ là một cách nói thiếu chính xác, ‘vơ đũa cả nắm’, mà còn có thể phản ánh một thái độ nội tâm mang tính phản kháng và phủ định đối với thẩm quyền hoặc truyền thống của Hội Thánh khi nói “lời giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đấng các bậc trong Hội Thánh hết sức gượng ép, quanh co, ngụy biện”.

II. Hội Thánh

Phúc Âm của Chúa Giêsu đã có một ảnh hưởng rất lớn đối với hàng tỷ người trên thế giới. Những tín hữu này là thành viên của Hội Thánh hữu hình, một thực tại rất rộng lớn nhưng không đồng nhất.

Ngay cả khi chỉ giới hạn trong các Giáo hội hiệp thông với Đức Giáo Hoàng, cũng đã có 24 Giáo hội tự trị (*sui iuris*): một Giáo hội Công giáo Tây phương (nghị lễ Latinh/Rôma) và 23 Giáo hội Công giáo Đông phương, mỗi Giáo hội gìn giữ một

truyền thống tông truyền, phụng vụ và di sản thần học riêng. Theo *Annuario Pontificio* (Niên giám Tòa Thánh), số tín hữu hiệp thông với Đức Giáo Hoàng hiện khoảng 1,422 tỷ người, tương đương khoảng 17,7% dân số thế giới.

Nếu tính các Giáo hội Kitô giáo không hiệp thông với Đức Giáo Hoàng, thì số tín hữu cũng vào khoảng 1,3–1,4 tỷ người.

Như vậy, Hội Thánh không phải là cái ‘ao làng’ để có thể quy kết một điều gì đó dù tích cực hay tiêu cực. Cách nói bao quát “các đẳng các bậc trong Hội Thánh” cho thấy sự mơ hồ, đầy cảm tính. Sự thiếu sự chính xác này dễ khiến cho sự khát khao trên hành trình đi tìm chân lý có lẽ mãi mãi là khao khát.

Khi nói về Hội Thánh nghĩa là nói đến thế giới Kitô giáo bao gồm rất nhiều Giáo hội, truyền thống, cơ cấu phẩm trật và thẩm quyền giảng dạy khác nhau. Tất cả đều tôn kính Thánh Kinh, nhưng không phải tất cả đều giải thích Thánh Kinh theo cùng một phương pháp hay cùng một truyền thống. Trong bối cảnh đó, câu khẳng định rằng “lời giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đẳng các bậc trong Hội Thánh” là một phát biểu quá rộng và hết sức mơ hồ. Không những nó không xác định “các đẳng các bậc” là những ai, thuộc Giáo hội nào, truyền thống nào, mà còn vô tình loại trừ nhiều người ra khỏi Hội Thánh, không coi họ thuộc cộng đoàn những người theo Đức Kitô.

Ngoài ra, về mặt khoa học lý luận, câu này cũng thiếu sót, vì không nêu bất cứ tác phẩm hay bài giảng nào; đồng thời cũng không đưa ra bất kỳ dẫn chứng hay phân tích nào để chứng minh nhận định ấy. Vì thế, đây không phải là một lập luận được xây dựng trên dữ kiện, mà là một phán quyết đầy cảm tính, quá bao quát và thiếu cơ sở. Cách nhìn như vậy dễ thu hẹp một thực tại rộng lớn và đa dạng của Hội Thánh thành một hình ảnh giản lược, như thể toàn bộ Giáo hội chỉ là một cá nhân có thể được phán xét bằng một nhận định khái quát duy nhất.

III. Kinh Thánh

Thông thường, thuật ngữ “Kinh Thánh” có thể được hiểu theo hai nghĩa liên hệ mật thiết với nhau: Lời Chúa và bản văn Kinh Thánh. Hai cách hiểu này giúp chúng ta vừa nhận ra nguồn gốc thần linh của Kinh Thánh, vừa ý thức về cách thức Lời Chúa được diễn tả và lưu truyền qua lịch sử.

1. Kinh Thánh là Lời Chúa

Trước hết, khi nói đến Kinh Thánh, người tín hữu hiểu đó là Lời Thiên Chúa được mặc khải cho con người trong lịch sử cứu độ và được ghi lại dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần.

Tác giả Thánh vịnh 119 đã thốt lên: “Lạy CHÚA, lời Ngài bền vững đến ngàn đời, trên cõi trời cao” (Tv 119,89).

Ngay từ thời Cựu Ước, dân Israel đã ý thức rằng Lời Thiên Chúa không chỉ đơn thuần là những chữ viết trong một bản văn. Lời Thiên Chúa là Lời hằng sống, được Thiên Chúa phán dạy và được truyền đạt cho dân Người qua các biến cố, các ngôn sứ và các truyền thống đức tin. Về sau, những lời ấy được ghi lại thành bản văn, để lưu truyền, bảo tồn và làm chứng cho mạc khải của Thiên Chúa. Vì thế, cần phân biệt giữa Lời Thiên Chúa và bản văn Kinh Thánh, đồng thời không tách rời hai thực tại này: bản văn Kinh Thánh chính là phương thể đặc biệt qua đó Lời Thiên Chúa được lưu truyền và tiếp tục vang lên với cộng đoàn tín hữu.

Điều này đã được diễn tả cách rõ nét trong trình thuật về việc giao ước tại núi Sinai: “Ông Mô-sê đến thuật lại cho dân tất cả những lời của Đức Chúa và mọi điều luật. Toàn dân đồng thanh đáp: ‘Mọi lời Đức Chúa đã phán, chúng tôi sẽ thi hành’. Ông Mô-sê ghi lại tất cả những lời Đức Chúa đã phán” (Xh 24,3-4). Trình thuật cho thấy trước hết có Lời Thiên Chúa được phán và được dân đón nhận; sau đó, lời ấy được Mô-sê ghi lại. Như vậy, ngay trong Cựu Ước, ta đã thấy mối tương quan mật thiết giữa Lời Thiên Chúa được phán và lời được ghi thành bản văn.

Sang phần Tân Ước, Phúc Âm Gioan diễn tả cách đặc biệt về Lời vốn có từ thuở đời đời và chính là Thiên Chúa: “Lúc khởi nguyên đã có Lời, và Lời ở nơi Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa, Ngài đã có lúc khởi nguyên nơi Thiên Chúa. Mọi sự đã nhờ Ngài mà thành sự và không Ngài thì không gì đã thành sự. Điều đã thành sự nơi Ngài là sự Sống, và sự Sống là sự Sáng cho nhân loại, và sự sáng rạng trong tối tăm, và tối tăm đã không triệt được sự sáng. [...] Và Lời đã thành xác phàm, và đã lưu trú nơi chúng tôi, và chúng tôi đã được ngắm vinh quang của Ngài, vinh quang như của Con một tự nơi Cha, tràn đầy ơn nghĩa và sự thật.” (Ga 1,1-4.14). Như thế, Đức Giêsu là Lời Thiên Chúa đã nhập thể.

Trong Phúc Âm Gioan, thánh Phêrô trong, đã thưa với Đức Giêsu: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời ban sự sống đời đời” (Ga 6,68). Lời tuyên tín này của Phêrô thay mặt cho Hội Thánh khẳng định rằng Đức Giêsu là Đấng duy nhất có “những lời ban sự sống đời đời”. Câu nói cho thấy đức tin không chỉ là sự chấp nhận một cuốn sách hoặc một hệ thống giáo lý, nhưng là sự gắn bó hiện sinh với chính Đức Kitô, nơi con người tìm thấy chân lý, ý nghĩa và sự sống đích thực.

Như vậy, Lời Chúa là chính là Đức Kitô, là sự mạc khải trọn vẹn của Chúa Cha. Vì thế, khi đọc Kinh Thánh, người Kitô hữu không chỉ tìm kiếm thông tin hay kiến thức tôn giáo, nhưng gặp gỡ và lắng nghe Thiên Chúa đang nói với mình. Điều này cũng được thư Do Thái khẳng định: “Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử.” (Hr 1,1-2).

Vì thế, Kitô giáo không phải là tôn giáo của một “cuốn sách”, nhưng là tôn giáo của Lời Thiên Chúa hằng sống. Lời đó “không phải là lời được viết ra và câm lặng, nhưng là Ngôi Lời nhập thể và sống động.” Cần thiết là phải có Đức Kitô, Ngôi Lời vĩnh cửu của Thiên Chúa hằng sống, nhờ Chúa Thánh Thần, mở trí cho chúng ta,

thì chúng ta mới hiểu được Thánh Kinh, nếu không thì các sách đó chỉ là văn tự chết.” (GLCG 108)

Vì thế, trung tâm của Kitô giáo không phải chỉ là một bản văn, nhưng là một Ngôi Vị: Đức Kitô, Ngôi Lời đã làm người (Ga 1,14), nên Thánh Kinh trước hết là sách để cầu nguyện, suy niệm và đối thoại với Thiên Chúa. Chính cấu trúc của nhiều bản văn Kinh Thánh cho thấy điều đó: các Thánh Vịnh thường kết thúc bằng lời ca tụng và “Amen”; chẳng hạn Tv 41,13; 72,19; 89,52 và 106,48 đều kết thúc bằng lời chúc tụng Thiên Chúa và “Amen”. Trong Tân Ước, nhiều thư cũng kết thúc bằng những lời chúc tụng, cầu nguyện hoặc lời chúc lành kèm theo “Amen”, như Rm 16,27; Gl 6,18; Ep 3,21; Pl 4,20, 2 Tm 4,18; Dt 13,21; 1 Pr 5,11; Gđ 25 và Kh 22,20-21. Xem <https://en.wikipedia.org/wiki/Amen>

Điều đó cho thấy khi đọc Thánh Kinh, người tín hữu được mời gọi lắng nghe, suy niệm, cầu nguyện và đáp lại Lời Chúa bằng đức tin, để Lời đã đọc trở thành Lời được sống và được thưa lên bằng chính cuộc đời mình.

Đỉnh cao của việc công bố và lắng nghe Lời Chúa được thể hiện cách đặc biệt trong việc cử hành Phụng Vụ Lời Chúa của Thánh Lễ, cũng như trong nhiều cử hành phụng vụ khác của Giáo Hội. Qua các bài đọc Kinh Thánh, Thánh Vịnh đáp ca và đặc biệt là bài Phúc Âm, chính Thiên Chúa nói với cộng đoàn dân Người, soi sáng tâm trí, củng cố đức tin và hướng dẫn đời sống của các tín hữu. Trong bài giảng, Lời Chúa được giải thích và áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của cộng đoàn và đời sống mỗi người, giúp người tín hữu hiểu sâu hơn sứ điệp Phúc Âm và biết đem Lời Chúa vào thực hành. Vì thế, Phụng Vụ Lời Chúa không chỉ đơn thuần là việc đọc và lắng nghe các bài đọc trích từ Kinh Thánh, nhưng là một cuộc gặp gỡ sống động với Thiên Chúa đang nói với dân Người, mời gọi các tín hữu mở lòng đón nhận, suy niệm và sống theo Lời Người. Đồng thời, Phụng Vụ Lời Chúa liên kết mật thiết với Phụng Vụ Thánh Thể, chuẩn bị và dẫn đưa cộng đoàn vào việc cử hành mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô, nơi bàn tiệc Lời Chúa và bàn tiệc Thánh Thể cùng làm nên một hành vi phụng thờ duy nhất.

Tuy nhiên, trong Thánh lễ Chúa Nhật và các ngày thường, Giáo Hội không đọc trọn bộ Thánh Kinh, cũng không đọc trực tiếp từ toàn bộ cuốn Thánh Kinh theo thứ tự từ đầu đến cuối, nhưng sử dụng Sách Bài Đọc (Lectionary), trong đó các bản văn Kinh Thánh đã được tuyển chọn và sắp xếp theo chu kỳ phụng vụ. Theo thống kê của Linh Mục Felix Just, S.J., dựa trên *Lectionary for Mass* hiện hành, trong các bài đọc Chúa Nhật và ngày thường, có 5.689 câu trên tổng số 7.957 câu của Tân Ước, tức khoảng 71,5% Tân Ước được sử dụng; đối với Cựu Ước, không kể Thánh Vịnh, có 3.378 câu trên tổng số 25.044 câu, tức khoảng 13,5% được sử dụng. Thánh Vịnh được thống kê riêng vì được sử dụng rất thường xuyên và dưới nhiều hình thức khác nhau trong Thánh Lễ. Những con số này cho thấy Sách Bài Đọc không nhằm trình bày toàn bộ Kinh Thánh, nhưng tuyển chọn những bản văn được Giáo Hội xem là thích hợp để công bố Lời Chúa và giúp cộng đoàn từng bước đi vào mầu nhiệm cứu độ, với Đức Kitô là trung tâm. (Xem <https://catholicresources.net>)

Ngoài Thánh Lễ và những buổi cầu nguyện, một số cộng đoàn, giáo xứ hay giáo phận còn tổ chức những buổi học hỏi và chia sẻ Lời Chúa, hay *Lectio Divina*. Đây là dịp để các tín hữu cùng nhau đọc, tìm hiểu và suy niệm những đoạn Kinh Thánh, đồng thời chia sẻ những cảm nghiệm đức tin và kinh nghiệm sống của mình dưới ánh sáng Lời Chúa. Qua đó, người tham dự có cơ hội hiểu sâu hơn về Kinh Thánh, nâng đỡ nhau trong đời sống đức tin và biết áp dụng Lời Chúa vào cuộc sống hằng ngày. Những buổi gặp gỡ này cũng góp phần xây dựng tình hiệp thông và làm cho Lời Chúa trở nên gần gũi, sống động hơn trong cộng đoàn.

2. Kinh Thánh là các bản văn

Theo nghĩa thứ hai, Kinh Thánh là một tập hợp các bản văn do những tác giả nhân loại biên soạn và ghi chép dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần.

Các bản văn Thánh Kinh này không xuất hiện cùng một lúc, cũng không phải do một tác giả duy nhất viết, nhưng được hình thành trong một tiến trình lịch sử lâu dài. Ví dụ, sách Sáng Thế cho thấy dấu vết của nhiều truyền thống khác nhau trước khi được biên tập thành cuốn sách Sáng Thế như hiện nay. Rõ nhất là hai trình thuật sáng tạo: St 1,1–2,4a trình bày Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ trong sáu ngày và nghỉ ngày thứ bảy, trong khi St 2,4b–25 lại kể việc Thiên Chúa nặn con người từ bụi đất, rồi trồng vườn Êđen. Tương tự, trình thuật Hồng thủy có những chi tiết dường như thuộc các truyền thống khác nhau, chẳng hạn St 6,19-20 nói mỗi loài một đôi, còn St 7,2-3 lại phân biệt số lượng thú thanh sạch và không thanh sạch. Bên cạnh đó, truyền thống bản văn cũng có những dị biệt giữa bản Masoretic và bản LXX. Chẳng hạn, các số tuổi của các tổ phụ trong St 5 khác nhau đáng kể giữa hai truyền thống, cho thấy bản văn đã được lưu truyền qua những lịch sử văn bản khác nhau trước khi được cố định trong các hình thức chúng ta biết ngày nay.

Các bản văn này dần dần được các cộng đoàn đức tin thu thập lại. Quá trình thu thập này tùy thuộc vào khoảng cách địa lý, quan điểm thần học, văn hóa, lịch sử, v.v... của các cộng đoàn nên có nhiều khác biệt, sinh ra nhiều quy điển. Ví dụ về thời Cựu Ước thì cộng đoàn ở Samaria có cuộn Thánh Kinh khác với cộng đoàn ở Giêrusalem. Hoặc cộng đoàn Do Thái hải ngoại dùng bản Thánh Kinh khác với cộng đoàn Do Thái trong nước. Đến gần thời Chúa Giêsu thì lại thêm cộng đoàn Quram với số lượng sách rộng hơn. Đến thời Tân Ước thì sự khác biệt càng lớn nữa do số tín hữu gia tăng và trải rộng ra nhiều dân tộc. Ví dụ hiện nay ngoài việc khác nhau về số lượng sách (quy điển) thì còn thấy có sự khác biệt trong chính các bản văn (dị bản). Ví dụ một số bản trong Mt 6,9-13 có thêm “Vì nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời. A-men.”, hoặc Codex Sinaiticus và Codex Vaticanus lại không có trình thuật về ‘người phụ nữ ngoại tình’ (Ga 7,53-8,11).

Những khác biệt về bản văn, quy điển và số lượng sách giữa các truyền thống Kitô giáo thuộc về quá trình hình thành, lưu truyền và tiếp nhận Kinh Thánh trong lịch sử nhân loại; những khác biệt ấy không làm thay đổi Lời Thiên Chúa (Is 40,8; Mt 24,35). Ngày nay, bên cạnh sự khác biệt về quy điển và truyền thống bản văn, còn có rất nhiều bản dịch Kinh Thánh, kéo theo những cách diễn giải và tranh luận khác nhau.

Vì thế, không thể nói hiện nay có một bản văn Kinh Thánh duy nhất được tất cả các cộng đoàn Kitô giáo sử dụng. Tuy nhiên, một số truyền thống đã cùng sử dụng những bản dịch chung. Điều này cho thấy sự hiệp nhất là một tiến trình cần được tiếp tục vun đắp bằng cầu nguyện, đối thoại và nỗ lực chung.

Tóm lại, có thể phân biệt hai khía cạnh: Kinh Thánh là Lời Chúa xét về nguồn gốc và nội dung mặc khải; đồng thời là bản văn nhân loại xét về phương thức hình thành và diễn đạt.

a. Nếu muốn học hỏi Lời Chúa với tư cách là người tin, người Kitô hữu đến với Giáo Hội, nơi Thánh Kinh được đón nhận như Lời Thiên Chúa và được đọc trong đời sống đức tin, phụng vụ và truyền thống của Hội Thánh. Giáo Hội không chỉ giúp người tín hữu hiểu nội dung Thánh Kinh, mà còn hướng dẫn họ nhận ra ý nghĩa của Lời Chúa đối với đời sống và mối tương quan với Thiên Chúa.

b. Còn nếu muốn đạt được sự hiểu biết Thánh Kinh dưới góc độ khoa học, người ta có thể đến với các trường đại học hoặc các học viện chuyên ngành Kinh Thánh. Tại đó, Thánh Kinh có thể được tiếp cận như một bộ sưu tập các bản văn cổ, được nghiên cứu bằng những phương pháp lịch sử, văn chương, ngôn ngữ, khảo cổ học và phê bình văn bản. Nhà nghiên cứu có thể đặt câu hỏi về thời điểm hình thành bản văn, tác giả, bối cảnh lịch sử, thể loại văn chương, quá trình truyền lại và biên soạn bản văn. Việc học hỏi này không hẳn sẽ giúp người học phải trở thành tín hữu, vì có những học giả Thánh Kinh là người vô thần, không tin theo tôn giáo nào cả.

Câu: “Tóm lại, lối giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đảng, các bậc trong Hội Thánh hết sức gượng ép, quanh co, ngụy biện” cho thấy người viết, dù tự nhận mình là một “giáo dân khát khao chân lý” và đã quan tâm, đặt vấn đề về khoa học Kinh Thánh, nhưng lại chưa làm rõ mình đã trao đổi với những ai, đã đọc những công trình hay tài liệu nào, và dựa trên những nguồn tư liệu nào để có thể đưa ra một nhận định mạnh mẽ như vậy.

Điều này cần được lưu ý, bởi số các linh mục, tu sĩ và giáo dân được đào tạo chuyên sâu về Kinh Thánh trên thế giới vốn không nhiều so với những ngành thần học khác; tại Việt Nam, số người được đào tạo chuyên ngành này còn hạn chế hơn nữa. Do đó, khi đánh giá “lối giải thích của các đảng, các bậc trong Hội Thánh hết sức gượng ép, quanh co, ngụy biện”, cần hết sức thận trọng: trước hết phải xác định người viết đang nói đến những ai, họ được đào tạo về Kinh Thánh ở mức độ nào, và người viết đã tham khảo những nguồn học thuật nào. Nếu không làm rõ những điểm này, nhận định về “các đảng, các bậc trong Hội Thánh” rất dễ trở thành một khái quát hóa thiếu cơ sở.

Điều này không có nghĩa là “các đảng các bậc trong Hội Thánh” không được đào tạo chuyên môn về khoa học Thánh Kinh không biết gì về khoa học này. Tùy theo mỗi quốc gia và vùng miền mà chương trình đào tạo có khác nhau, nhưng tất cả đều được đào tạo tổng quát về khoa học Thánh Kinh để phục vụ cho việc giảng dạy Lời Chúa.

Hãy xem lại những câu hỏi sau đây mà người “giáo dân khát khao chân lý” đặt ra thì sẽ thấy người này không phân biệt được Lời Chúa và bản văn, nên người này không phải là khao khát Lời Chúa, mà là khát khao chân lý khoa học Thánh Kinh:

Đã là Kitô hữu khát khao chân lý thì đều bản khoản trước những mâu thuẫn không thể dung hòa trong Cựu và Tân Ước. Trước hết xin đơn cử một số trường hợp trong Cựu Ước:

1. Sau khi đập vỡ các Bia Lề Luật, có phải chính ông Môisen đã viết Mười Điều Răn trên những bia đá mới? Trong sách Xuất Hành thì ghi là chính ông Môisen (Xh 34, 28: “*Ông ở đó với Đức Chúa bốn mươi ngày bốn mươi đêm, không ăn không uống, và ông viết trên những bia các điều khoản của giao ước, tức là Thập Điều*”) trong khi ở sách Đệ Nhị Luật thì lại là chính Giavê (Đnl 10, 4: “*Người đã viết trên các bia điều đã viết lần trước, là mười lời Đức Chúa đã phán với anh em trên núi, từ trong đám lửa, trong ngày đại hội. Rồi Đức Chúa ban những bia đó cho tôi*”)

2. Thiên Chúa đã truyền cho ông Nôê đem vào thuyền bao nhiêu cặp thú vật? Mỗi loài chỉ một cặp (Stk 6, 19 : “*Trong mọi sinh vật, mọi xác phàm, người sẽ đưa vào tàu mỗi loại một đôi, để giữ cho chúng sống với người; phải có một con đực và một con cái*”) hay bảy cặp cho các loài thanh sạch (Stk 7, 2 : “*Trong mọi loài vật thanh sạch, người sẽ lấy bảy đôi, con đực và con cái, còn trong các loài vật không thanh sạch, thì một đôi, con đực và con cái*”)?

3. Hoặc trường hợp này: khi ra khỏi Ai Cập, người Israel được giải phóng khỏi tình trạng nô lệ với sự đồng ý của Pharaon (Xh 13, 17: “*Khi Pharaon thả cho dân đi, Thiên Chúa không dẫn họ theo ngã đường xuyên qua xứ Philistin, dù đường đó gần hơn, vì Thiên Chúa nói: "Khi thấy phải chiến đấu, dân có thể hối hận mà quay về Ai Cập*”)

hay họ trốn thoát (Xh 14, 5): “*Có tin báo cho vua Ai Cập là dân đã chạy trốn rồi*”.

4. Theo sách Samuel cuốn thứ nhất, chính vị vua Đavít tương lai đã chạm trán và giết chết gã khổng lồ Goliát bằng chiếc ná (1 Sm 17, 23-50), trong khi đó sách Samuel cuốn thứ hai ghi lại rằng người giết gã khổng lồ Goliát không phải là Đavít mà là ông Elhanan nào đó, và không phải bằng chiếc ná nhưng bằng ngọn giáo (2 Sm 21, 19).

5. Hai trình thuật khác nhau về sáng tạo trong sách Sáng Thế Ký. Trong trình thuật ở chương 1, Thiên Chúa sáng tạo các thú vật trước hết rồi mới đến con người; người nam và người nữ được sáng tạo cùng lúc (Stk 1, 25-27). Trình thuật ở chương 2 thì Thiên Chúa sáng tạo người nam đầu tiên, rồi đến thú vật và cuối cùng là đàn bà (Stk 2, 18-19).

Bây giờ xin điểm qua Tân Ước.

Trước Đức Kitô hàng ngàn năm đã có những vị thần thánh -con trai đầu lòng- giáng trần do thần linh tác động đến các bà mẹ trần gian đồng trinh, nghĩa là thụ thai mà không qua giao hợp vợ chồng như người thường. Theo Encyclopedia Wikipedia (WP) ta có:

1. Horus (Ai Cập 3000 BC) mẹ là Isis, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời, đồng bản tính với cha là thần Osiris
2. Attis (Hy Lạp 1200 BC) mẹ là Nana, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời.
3. Krishna (Ấn Độ 900 BC) mẹ là Devaki, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời.
4. Dionysus (Hy Lạp 500 BC) mẹ là Persephone mang thai bởi rắn thần, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời.
5. Mithra (Iran 1200 BC) làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại, lên trời,

6. Buddha (Ấn Độ 500 BC) mẹ nằm mơ thấy một voi trắng 6 ngà chui vào bụng thế là mang thai Phật, xuất gia ở tuổi 29 về niết bàn ở tuổi 35.

7. Romulus (Lamã 771 BC) mẹ là Rhea Silvia, cha là thần Mars, sáng lập ra thành Rôma ngày nay, bị Nghị Viện giết, sống lại và được thần cha Mars đưa về thiên đàng.

Tổng quát mà nói thì Đức Kitô của chúng ta cũng có cuộc đời na ná như những thần thánh trên đây nghĩa là cũng sinh ra bởi mẹ là người phàm, cha là thần thánh, làm nhiều điều kỳ diệu, chết rồi sống lại và lên trời

Những khác biệt và mâu thuẫn trong 4 Phúc Âm.

Trước hết, ta biết rằng tác giả của 4 Phúc Âm đều vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác giả của những cuốn thánh kinh này (WP). Những cuốn sách này không được viết ra do mắt thấy tai nghe nhưng chỉ do truyền khẩu như trong lời mở đầu của Phúc âm Luca (Lk:1:1-4) và được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường. Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong phúc âm Gioan (Jn) khác hẳn với Đức Kitô trong phúc âm nhất lãm gồm Mat-cô (Mk), Luca (Lk) và Mat-thêu (Mt).

Trong Gioan:

Không có gia phả, không có sự kiện giáng sinh, không có rửa tội, không bị ma quỷ cám dỗ, không có bài giảng trên núi về 8 mối phúc thật, không dạy tông đồ kinh Lạy Cha, không có biển hình trên núi Tabô, không trừ quỷ bao giờ, không dùng dụ ngôn khi giảng dạy, phần lớn là Chúa nói nhiều về mình, đồng đặc tuyên bố mình là Đức Kitô tức là Đấng Cứu Thế (Jn 4:25-26) và là Thiên Chúa (Jn: 10:30) trái với trong Nhất lãm Chúa cấm các tông đồ không được tiết lộ với ai Ngài là Đức Kitô (Mt 16:20) trong Gioan không lập phép thánh thể mà là rửa chân trong bữa tiệc ly, bữa tiệc ly và bị bắt xảy ra trước lễ Vượt Qua (Jn 13:1), chứ không phải chiều ngày lễ Vượt Qua như Nhất lãm ghi (Mt 26:20-29, Mk 14:17-24, Lk 22: 7-20), chọn 4 môn đệ đầu tiên là Anrê, Phêrô, Philippe và Natanaen trong một khung cảnh hoàn toàn khác (Jn 35-51) chứ không phải ở hồ Galilê Ngài đã chọn bốn môn đệ đầu tiên là Anrê, Phêrô, Giacôbê và Gioan (Mt 4: 18-22, Lk 5:1-11, Mk 1:16-20)), theo PA Gioan thì Gioan Tẩy Giả biết rất rõ Đức Kitô là ai vì ngoài sự kiện hai Ngài là anh em họ, chính ông Gioan đã làm phép rửa cho Chúa, cho nên ông đã công khai tuyên bố về Đức Kitô: “Hôm sau, ông Gioan thấy Đức Giêsu tiến về phía mình, liền nói: *“Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xóa bỏ tội trần gian. Chính Người là Đấng tôi đã nói tới khi bảo rằng có người đến sau tôi, nhưng trội hơn tôi, vì có trước tôi.”* (Jn 1:29-30). Nhưng trong Nhất Lãm, ông Gioan lại tỏ vẻ nghi ngờ về Đức Kitô: *“Ông Gioan lúc ấy đang ngồi tù, nghe biết những việc Đức Kitô làm, liền sai môn đệ đến hỏi Người rằng: “Thưa Thầy, Thầy có thật là Đấng phải đến không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác?”* (Mt 11: 2-3), trong PA Gioan ở vườn Nhiệt-si-ma-ni, Chúa không cầu nguyện lần nào nhưng bình thần chờ bị bắt và cũng chẳng lo buồn đến toát mồ hôi máu và xin Chúa Cha cho khỏi phải uống chén đắng như trong Nhất Lãm ghi (Mk 14: 32-42, Lk 22 :39-46, Mt 26 :36-46), không cần Giuđa tới hôn nhưng tự đối diện với quân dữ để bị bắt (Jn 18 :1-9), đối đáp thật nhiều ở dinh Caipha và Philatô chứ không im lặng như Nhất lãm mô tả, không bị điệu qua Hêrôđê, tự vác lấy thánh giá lên đồi Sọ (Jn: 19: 17) chứ không nhờ Simon vác đỡ (Mt 27 :32, Mk 15:21, Lk 23:26), trên thánh giá Chúa vẫn bình thần trần trối Đức Mẹ cho Gioan, kêu khát rồi nói *“thế là đã xong”* rồi tắt thở (Jn: 19 :25-30), chứ không yếu đuối bị lụy như trong Nhất lãm: *“Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Ngài bỏ rơi con?”* (Mk 15: 34, Mt 27:46), chôn trong mộ ở trong vườn (Jn 19:41) chứ không phải mộ đục trong núi đá như trong nhất lãm (Mt 27:60, Mk 15:46, Lk 23:53) không có sự kiện Thăng thiên.

Trong Nhất lãm cũng có những mâu thuẫn với nhau. Xin sơ lược một số điểm chính:

Về gia phả của Chúa thì khác nhau như nước với lửa trong Mathêu và Luca. Hai danh sách kê khai giòng tộc của Đức Kitô từ xa xưa gồm những nhân vật hoàn toàn khác nhau và người trực tiếp sinh ra Giuse (cha nuôi Chúa Giêsu) là Êli trong Luca (3:23) nhưng là Giacóp trong Matthêu (1:16). Sứ thần Gabriel truyền tin cho Đức Maria theo Luca (Lk 1 : 28-38),nhưng trong Matthêu lại truyền tin cho Thánh Giuse (Mt 1 :20-24)

Giáng sinh diễn ra ở hai thời điểm và hoàn cảnh khác hẳn nhau. Theo Matthêu thì Chúa ra đời dưới thời Hêrôđê, trong một căn nhà (Mt 1 :11) ở Belem, có ngôi sao dẫn đường cho 3 vua đến thờ lạy, Hêrôđê sát hại các hài nhi trong vùng, Thánh Gia phải trốn qua Ai cập cho tới khi Hêrôđê chết(năm thứ 4 BC theo WP) mới trở về Nazarét. Nhưng theo Luca thì Chúa sinh ra dưới thời Quirinius làm tổng trấn xứ Syria (năm thứ 6 AD theo WP) trong một hang bò lừa, mục đồng đến thờ lạy, có thiên thần ca hát, đủ 8 ngày được cha mẹ đem dâng vào đền thờ để làm thủ tục theo luật định rồi đưa về Nazaret sinh sống.

Cùng chịu đóng đinh giống Chúa có 2 tên cướp, một tên cầu xin người cứu giúp, còn tên kia đã xỉ vả Người (Lk 23 : 39-43), nhưng theo Matthêu và Matcô thì cả 2 tên cướp đều xỉ vả Người (Mt 27 :46, Mk 15: 32); việc phát hiện ngôi mộ không còn xác Chúa bên trong cũng khác nhau trong mỗi phúc âm; địa điểm sau khi sống lại Chúa hiện ra với nhóm 11 môn đệ ở trên một ngọn núi miền Galilê theo Matthêu(Mt 28 :16-20), khi họ đang dùng bữa ở Jerusalem miền Judea theo Matcô (Mk 16:14), khi họ đang tụ tập trong nhà tại Jerusalem theo Luca (Lk 24:33-36);địa điểm lên trời gần làng Bêtania ngoại ô Jerusalem theo Luca(Lk 24 : 50-53), nhưng ở trong nhà ngay tại Jerusalem theo Matcô (Mk 16: 19-20).

Dưới đây là vài nhận xét thô thiển của người viết:

1. Ngôi sao gần trái đất nhất là mặt trời, không thể có một ngôi sao khác ngoài thái dương hệ xa trái đất hàng ngàn quang niên mà lại có thể gần và "dừng lại nơi con trẻ ở" (Mt 1 :9) để dẫn đường cho ba vua vì như thế trái đất sẽ cháy thành than! Việc này chỉ có thể xảy ra với một bóng đèn pha sân khấu (spotlight) mà thôi. Nghe thần thoại quá!
- 2.-Hêrôđê Cả là vị vua tàn bạo đã từng giết vợ và con, nhưng việc giết trẻ em từ 2 tuổi trở xuống ở Belem và các vùng phụ cận thì tiểu sử của ông ta không ghi (WP),nếu việc đó xảy ra thật thì Đế quốc La Mã đã không để ông ta yên và chính người Do Thái cũng đã chống đối ông vì ông đã quá tàn bạo. Lịch sử Do Thái không thấy đề cập tới sự kiện này. Có vẻ đây chỉ là sản phẩm tưởng tượng của tác giả Tân Ước mà thôi.
3. Một phụ nữ mới sinh con phải đem con sơ sinh đi bộ hàng ngàn cây số từ ngoại ô Jerusalem băng qua sa mạc, đồi núi, vượt Biển Đỏ để tới Ai Cập là điều không thể xảy ra. Cũng đầy vẻ thần thoại!
4. Hoàn cảnh giáng sinh trong Luca và Matthêu phải là 2 hài nhi khác nhau, không thể là 1 trẻ vì thời điểm và diễn biến sự ra đời của hài nhi Giêsu mâu thuẫn nhau và cách nhau hàng chục năm.
5. Theo các nhà nhân chủng học (WP) thì loài người có vóc dáng như chúng ta ngày nay đã xuất hiện trên trái đất từ 6 tới 8 triệu năm rồi. Kê khai rõ ràng gia phả của Đức Kitô từ thủy tổ của loài người -ông Adong-là một điều khó tin vì không một ai có thể duy trì một gia phả lâu đời quá như vậy. Gia phả Chúa Giêsu rất đơn giản: Cha là Chúa Thánh Thần, mẹ là Đức Maria. Ngài không có một chút huyết thống nào với Thánh Giuse. Phúc Âm ghi gia phả tràng giang đại hải của Đức Kitô là một điều hoàn toàn bịa đặt.

6. Làm sao tác giả phúc âm có thể ghi lại được những cuộc đối thoại riêng tư như giữa Sứ thần Gabriel và Mẹ Maria, giữa Chúa và ma quỷ trong hoang địa, bài Magnificat của Đức Mẹ, Lời cầu nguyện thống thiết của Chúa trong vườn Giết-si-ma-ni trong khi các tông đồ ở xa Chúa và đang ngủ v.v...? Hoàn toàn do trí tưởng tượng của tác giả đã hư cấu ra những tình tiết này.

7. Chúa biến hình trên núi Tabo, khi các tông đồ tỉnh dậy thấy Chúa đang nói chuyện với Maisen và Êlia. Làm sao các tông đồ nhận ra ông Maisen và Êlia vì họ sống cách các ông hàng trăm ngàn năm trước? Lại bịa chẳng!

8. Theo Gioan thì chính Chúa tự vác thánh giá, nhưng Nhất lãm lại nói có Simon vác thay, theo Luca thì có 1 tên trộm lành : *"Một trong hai tên gian phi bị treo trên thập giá cũng nhục mạ Người..."* (Lk 23:39) nhưng Matthêu và Matcô lại quả quyết cả 2 tên trộm đều dữ: *"Cả những tên cướp cùng bị đóng đinh với Người cũng xỉ vả Người như thế"* (Mt :27:44, Mk :15:32), vậy ai đúng, ai sai? Nếu đúng cả thì hóa ra giáo hội ta ba phải sao?

9. Đức Kitô trong Nhất lãm : luôn muốn dấu căn tính của mình, yếu đuối , bi lụy, nhưng Đức Kitô trong Gioan : luôn tỏ rõ căn tính của mình là Thiên Chúa, người đầy bản lĩnh. Tại sao cùng một nhân vật lại có cung cách tự mâu thuẫn như vậy? Cũng là do trí tưởng tượng của các tác giả chẳng?

10. Theo Gioan thì Chúa để lại bình an cho nhân loại : *"Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban cho anh em bình an của Thầy."* (Jn:14 :27). Nhưng theo Matthêu thì ngược lại: *"Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất; Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo."* Mt 10 :34). Chúa tự mâu thuẫn với mình chẳng?

11. Theo Nhất lãm thì Chúa chỉ lên Jerusalem có một lần vào cuối thời gian rao giảng, Người nổi giận vì những sinh hoạt kinh tế diễn ra trong đền thờ, nhưng theo Gioan thì sự kiện này xảy ra vào lúc Chúa bắt đầu đi rao giảng vì sau đó Người còn lên Jerusalem 4 lần nữa (Jn 2;13-17; 5:1-9; 7:10-30; 10:22-23; 12: 12-), Nhất lãm thiếu sót nhiều quá!

12. Tiểu sử Pilate không có chi tiết nào về việc xử tội Đức Kitô (WP)

13. Hiện tượng lúc Chúa chết : động đất, mặt trời ngưng chiếu sáng trong hơn 3 giờ từ giờ thứ sáu tức 12 giờ trưa tới giờ thứ chín tức 3 giờ chiều (Lk 23; 44-45)(cũng xin nói thêm là thời đó người Do Thái chia ngày ra thành 12 giờ tính từ lúc mặt trời mọc cho tới lúc mặt trời lặn, vì thế giờ thứ sáu tức là 12 giờ trưa của chúng ta ngày nay và giờ thứ chín tức 3 giờ chiều) , mồ mả bật tung, kẻ chết sống lại vào Jerusalem thăm nhiều người (Mt 27: 51-53) đã hoàn toàn không được ghi lại trong bất cứ tài liệu lịch sử hay thiên văn đương thời khách quan nào. Nếu mặt trời tối đen ở thời điểm nó nóng và sáng nhất trong ngày thì cả trái đất cũng tối đen chứ không chỉ riêng nơi Chúa bị đóng đinh mới thấy mặt trời tối đen trong 3 tiếng đồng hồ. Hàng ngàn năm trước khi Chúa sinh ra loài người đã tiến bộ lắm rồi. Sử gia Flavius Josephus sống tại Jerusalem gần như cùng thời với Đức Kitô đã ghi lại những biến động nổi bật tại Do Thái trong thời người Lamã đô hộ ở thế kỷ thứ nhất (WP), nhưng tuyệt nhiên ông không có một dòng nào liên quan tới Đức Kitô là nhân vật rất nổi tiếng khắp các miền như Phúc Âm tường thuật (Mt 4 : 23-25, Lc 6 : 17-19) và qua các sự kiện như: cho người chết sống lại như trường hợp anh La-da-rô (Jn 11:1-44), con gái vị thủ lãnh (Mt 9 :18-26, Mc 5 : 21-43, Lc 8 : 40-56), chữa lành phong cùi, một bệnh mà với tiến bộ y khoa vượt bậc như ngày nay vẫn bó tay (Mt 8 : 1-3, Mc 1 : 40-45, Lc 5 : 12-14) cho người chết đội mồ sống lại đi thăm những người sống tại Jerusalem (Mt 27 : 52-53). Ấy vậy mà lịch sử Do Thái không thấy ghi lại những sự kiện kinh thiên động địa có một không hai này.

14. Các Phúc Âm không hề có chi tiết Chúa ngã 3 lần vì vác Thánh Giá nặng, cũng không có nhân vật Veronica trao khăn cho Chúa lọt mặt như 14 Đàng Thánh Giá mô tả. Ai bịa ra vậy? Dù là do Thánh hay Tông Truyền thì cũng là do loài người thêm vào để cường điệu nỗi thống khổ của Chúa nhằm gia tăng lòng trắc ẩn của tín đồ.

Việc hỏi ý kiến của “các đấng các bậc trong Hội Thánh” cho những câu hỏi này tương tự như việc phụ huynh tự tìm thuốc chữa bệnh cho con mà không qua bác sĩ. Hệ quả tất yếu là người hỏi sẽ chỉ nhận được các câu trả lời mang tính nguyên tắc và khái quát. Không biết nhận định: *“Tóm lại, lối giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đấng các bậc trong Hội Thánh...”* của người “giáo dân khát khao chân lý” có đang đề cập đến những nguyên tắc tổng quát sau đây hay không.

“Kitô hữu nào cũng coi Kinh Thánh là nguồn chân lý duy nhất dẫn đưa tới Thiên Chúa. Những diễn giải của loài người dù ở cương vị nào cũng chỉ là suy luận của loài người. Dựa vào những mâu thuẫn trong Kinh Thánh nêu ra trên đây mà các đấng các bậc cho là bình thường thì giáo dân buộc phải phân vân về tính xác thực của Kinh Thánh. Xin có lời bàn về một số diễn giải như sau:

1.Trong Kinh Thánh có những chi tiết mâu thuẫn với nhau và đó là chuyện bình thường.

Xin thưa tín hữu được dạy rằng Kinh Thánh do chính Thiên Chúa mạc khải-ngĩa là chỉ bảo, hướng dẫn, soi sáng-cho loài người viết ra. Do đó Kinh Thánh phải là một kho tàng chân lý không tì vết để đưa nhân loại đến sự sống muôn đời. Những mâu thuẫn đầy rẫy trong Tân và Cựu Ước chứng tỏ pho sách này không hoàn toàn chứa đựng mọi sự thật. Như chúng ta đã biết nửa chiếc bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng một nửa sự thật không phải là sự thật. Nếu không phải là sự thật thì liệu chúng ta có thể xếp Kinh Thánh vào dạng thần thoại, dã sử hoặc hoang đường (myth,legend) chứ không phải lịch sử(history) được không? Thế nên những mâu thuẫn trong Kinh Thánh là điều hết sức bất thường chứ không phải bình thường đâu.

2.Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện như mọi thư viện khác cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn.

Xin thưa Thư viện Lời Chúa không thể đồng hóa với thư viện lời người đời vì thư viện Lời Chúa là lời hằng sống phải chuyển tải chân lý tinh tuyền để cứu nhân độ thế. Nếu cũng như thư viện đời thường thì không được tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa.

3.Phần lớn những trình thuật trong Kinh Thánh trước tiên do truyền khẩu rồi được nhiều người tiếp nối nhau ghi thành văn bản cho nên có nhiều mâu thuẫn.

Xin thưa đã là truyền khẩu thì phải có người đầu tiên nói ra. Người đầu tiên này là ai có đáng cho chúng ta tin cậy không? Tam sao thất bổn, huống chi Kinh Thánh bao gồm những sự kiện của hàng ngàn năm trước thì độ chính xác thừa ban đầu hầu như không còn nữa, thay vào đó là những câu chuyện không cơ sở rõ ràng và đầy mâu thuẫn như chúng ta thấy hiện nay.

4.Do tiến trình tiến hóa của thần học mà sinh ra mâu thuẫn.

Giáo dân được dạy rằng Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian. Lời Ngài là lời hằng sống. Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một, không thể có cảnh loài người tự ý suy diễn dẫn đến tình trạng trống đánh xuôi kèn

thối ngược. Thần học mà dựa vào suy diễn của từng thế hệ loài người thì đáng chúng ta đặt hết niềm tin không?

5. Tùy đối tượng phục vụ và tùy hoàn cảnh mà các tông đồ có cách giảng dạy khác nhau có khi mâu thuẫn nhau.

Xin thưa dù với đối tượng nào và ở bất cứ thời điểm nào thì việc rao giảng chân lý vẫn phải dựa trên sự thật. Nếu cùng một con vật ông nói gà bà nói vịt mà ta vẫn chấp nhận là đúng cả thì chẳng lẽ đạo của ta là đạo ba phải chăng?

6. Phải có nhà chuyên môn mới hiểu và diễn giải Kinh Thánh chính xác được.

Xin thưa Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại. Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn. Vô tri thì bất mộ. Ngoài ra, chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa.

Tóm lại, lối giải thích về những mâu thuẫn trong Kinh Thánh của các đảng các bậc trong Hội Thánh hết sức gượng ép, quanh co, ngụy biện không thuyết phục được người khát khao chân lý đích thực chứ không phải chân lý giả hiệu.

Ta biết rằng Kinh Thánh là bộ sách được sao chép nhiều nhất trong các loại sách báo. Xa xưa bộ Kinh Thánh chỉ được sao chép bằng tay từng chữ. Người sao chép tự do sửa đổi, thêm bớt theo phán đoán của mình. Ai cũng biết rằng tam sao thất bản, huống chi nó lại được vụn vụn lần sao thì tránh sao khỏi muôn muôn lần thất bản. Không ai thấy bản chính của Kinh Thánh bao giờ. Vì thế ta có thể nói rằng Kinh Thánh chứa đựng Lời Chúa thì ít mà Lời phàm nhân thì nhiều.

Nếu ai không cảm thấy băn khoăn hay thắc mắc khi đọc Kinh Thánh thì một là tự dối mình, hai là quá cuồng nhiệt đến độ nào bộ mất khả năng phán đoán sự việc.

Mới đây có ý kiến cho rằng Đức Kitô là nhân vật hư cấu, do người Lamã tạo ra để dễ bề cai trị những dân tộc bị trị trong đế quốc Lamã trong đó có dân tộc Do Thái. Xin thử tìm đọc cuốn Caesar's Messiah của Joseph Atwill, một học giả Mỹ về Kinh Thánh mới xuất bản thì sẽ rõ.

Nếu sáu tiêu đề trên là những câu trả lời khái quát khiến người “giáo dân khát khao chân lý” phải cho rằng chúng “hết sức gượng ép, quanh co, ngụy biện”, thì phản ứng này hoàn toàn có thể hiểu được. Đó có lẽ là hệ quả của tâm trạng bế tắc khi không tìm được lối thoát cho đức tin. Trong hoàn cảnh không biết hỏi ai đó, người này đã hướng về “ý kiến cho rằng Đức Kitô là nhân vật hư cấu” của “một học giả Mỹ về Kinh Thánh”.

Nếu vậy, xin mời quý độc giả xem lại những luận bàn đã được đăng trên website “Công Giáo Việt Nam”. Ban Biên Tập rất mong nhận được những ý kiến, góp ý của độc giả, để có thể tiếp tục kiểm chứng, bổ sung và hiệu đính nội dung cho phù hợp.